

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 3 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 95/TTr-STP ngày 13/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/3/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTrVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra)
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Như Điều 3 (để thi hành);
- HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Trưởng các phòng khối NCTH;
- Lưu: VT, NC (P.Hà)

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huân

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2017/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.
2. Các nội dung liên quan đến thành lập Văn phòng công chứng không được quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về công chứng.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề nghị thành lập, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

**Chương II
TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Điều 3. Nguyên tắc xét duyệt

1. Hồ sơ xét duyệt phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.
2. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và chính xác.
3. Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
4. Đảm bảo tính cạnh tranh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Điểm chuẩn* là số điểm tối thiểu phải đạt được của hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

2. *Điểm cộng* là số điểm được cộng thêm so với điểm chuẩn của từng tiêu chí và là cơ sở để xác định hồ sơ được phép thành lập Văn phòng công chứng khi số hồ sơ xét duyệt cao hơn số lượng Văn phòng công chứng được thành lập theo quy hoạch tại cùng địa bàn.

Điều 5. Tiêu chí và điểm chấm

Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng được xét theo các tiêu chí nhân sự, trụ sở làm việc và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công chứng được nêu trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng năm 2014.

Tổng điểm của các tiêu chí là 100 điểm, trong đó: điểm chuẩn: 60 điểm; điểm cộng tối đa không quá: 40 điểm, như sau:

1. Tiêu chí về nhân sự:

Tổng cộng 55 điểm, trong đó: điểm chuẩn: 40 điểm; điểm cộng: 15 điểm, cụ thể:

a) Công chứng viên:

- Có 02 công chứng viên: điểm chuẩn là 35 điểm.

- Từ công chứng viên thứ 3 trở lên mỗi công chứng viên được cộng thêm 03 điểm, tối đa không quá 06 điểm.

b) Kế toán:

- Có trình độ Trung cấp chuyên ngành kế toán: điểm chuẩn là 05 điểm.

- Có trình độ cao đẳng chuyên ngành kế toán cộng thêm 01 điểm; đại học chuyên ngành kế toán cộng thêm 02 điểm.

c) Nhân viên nghiệp vụ:

- Có 01 nhân viên nghiệp vụ trình độ đại học chuyên ngành luật trở lên: Cộng thêm 03 điểm.

- Từ nhân viên nghiệp vụ thứ 2 có trình độ đại học chuyên ngành luật trở lên cộng thêm 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm.

d) Nhân viên khác: Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ, công nghệ thông tin:

Có trình độ cao đẳng cộng thêm 01 điểm; trình độ đại học cộng thêm 02 điểm.

2. Tiêu chí trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng

Tổng cộng 35 điểm, trong đó: điểm chuẩn: 20 điểm; điểm cộng: 15 điểm, cụ thể:

Có địa chỉ cụ thể, có nơi làm việc cho công chứng viên và người lao động với diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử

dụng trụ sở làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, có nơi tiếp người yêu cầu công chứng và nơi lưu trữ hồ sơ công chứng quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ.

a) Phòng tiếp nhận và giải quyết thủ tục công chứng là phòng làm việc của công chứng viên; các nhân viên khác và nơi tiếp người đến yêu cầu công chứng:

- Tối thiểu 30m²: điểm chuẩn là 10 điểm.

- Diện tích tăng thêm so với diện tích tối thiểu: cứ tăng thêm 5m² thì cộng thêm 01 điểm, tối đa không quá 05 điểm.

b) Phòng kho lưu trữ hồ sơ công chứng:

- Diện tích tối thiểu 20m²: điểm chuẩn là 05 điểm.

- Tăng thêm 5m² thì cộng thêm 01 điểm, tối đa không quá 03 điểm.

- Diện tích dành cho chỗ để xe của khách: tối thiểu 30m²; đảm bảo thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: cộng thêm tối đa không quá 03 điểm.

- Có phương án và trang bị các thiết bị phòng, chống cháy nổ: cộng thêm tối đa không quá 02 điểm.

c) Tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng:

- Trụ sở Văn phòng công chứng thuộc sở hữu của một trong các công chứng viên đề nghị thành lập hoặc nhà đi thuê, mượn có thời hạn thuê, mượn tối thiểu là 03 năm (có hợp đồng) đối với địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, 05 năm đối với địa bàn còn lại: điểm chuẩn là 05 điểm.

- Trường hợp trên 05 năm, mỗi năm cộng thêm 01 điểm; tối đa không quá 02 điểm.

3. Tiêu chí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công chứng

Điểm cộng tối đa không quá 10 điểm, cụ thể:

a) Trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in vi tính, bàn làm việc cho các công chứng viên và nhân viên của văn phòng: cộng thêm tối đa không quá 02 điểm.

b) Tủ đựng tài liệu: cộng thêm tối đa không quá 02 điểm.

c) Kết nối Internet: cộng thêm tối đa không quá 02 điểm.

d) Đầu tư phần mềm quản lý nghiệp vụ công chứng: cộng thêm tối đa không quá 02 điểm.

đ) Máy phô tô: cộng thêm tối đa không quá 01 điểm.

e) Lắp đặt hệ thống camera giám sát: cộng thêm tối đa không quá 01 điểm.

Điều 6. Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ

Sở Tư pháp thực hiện việc tiếp nhận và tổ chức xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên cơ sở các tiêu chí và điểm chấm tại Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Xác định hồ sơ đạt yêu cầu và cho phép thành lập

1. Hồ sơ đạt yêu cầu để thành lập Văn phòng công chứng là hồ sơ đạt ít nhất tổng số điểm chuẩn: 60 điểm.

2. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn một đơn vị cấp huyện nhiều hơn số lượng tổ chức hành nghề công chứng theo quy hoạch thì hồ sơ được lựa chọn là hồ sơ đạt tổng điểm chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và có số điểm cộng cao hơn. Trong trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ ưu tiên hồ sơ có số điểm về tổ chức nhân sự cao hơn.

3. Căn cứ kết quả xét duyệt quy định tại Điều 6 và Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huấn